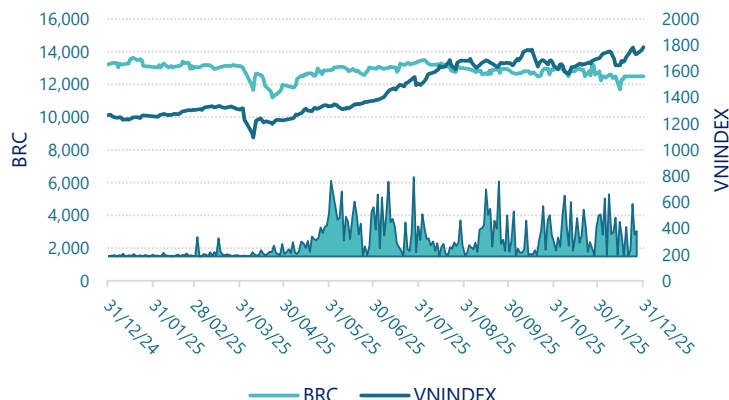




CTCP Cao su Bến Thành (HSX: BRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,638
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,204
SL cổ phiếu LH	12,374,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	695
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	155
P/E	7.4
EPS	1,682

DT thuần

Q4/25

113

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00 | 2.0%

YoY: ▼ 5.00 | -4.0%

LN sau thuế

Q4/25

4.73

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.76 | -13.9%

YoY: ▲ 0.71 | 17.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.3%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2025

437

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.0 | 4.3%

LN sau thuế

2025

20.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.00 | -4.3%

ROE

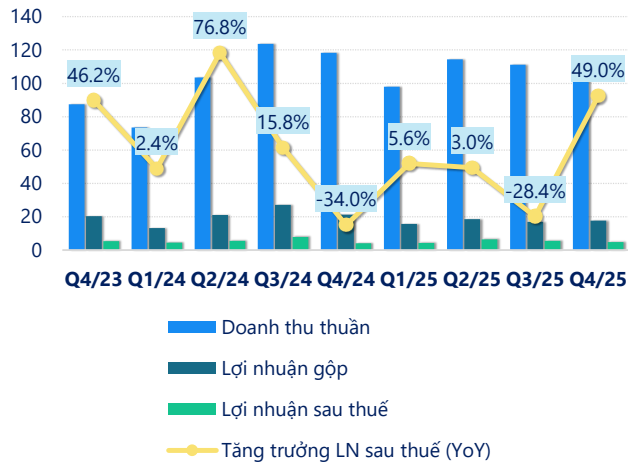
2025

9.8%

+/- YoY: ▼ 0.5%

tỷ VNĐ

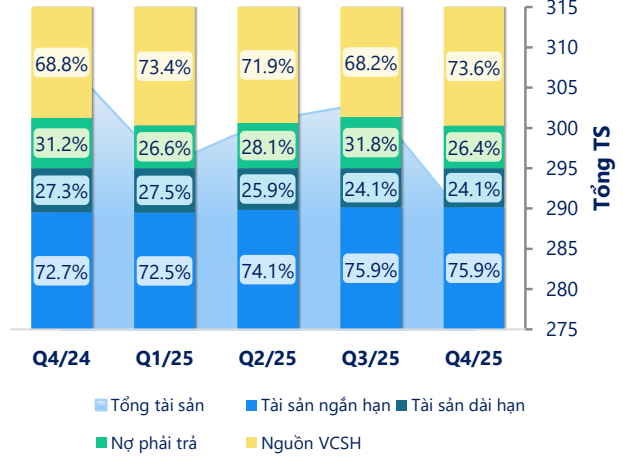
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

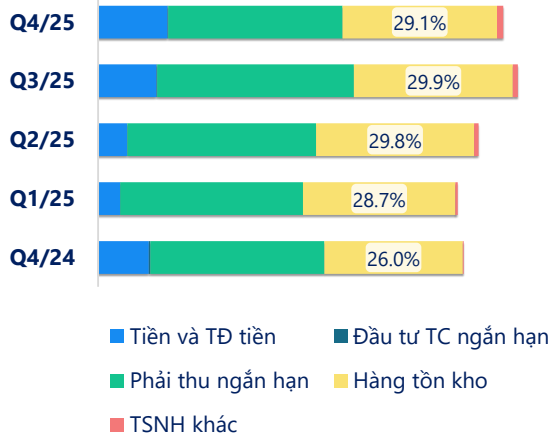
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



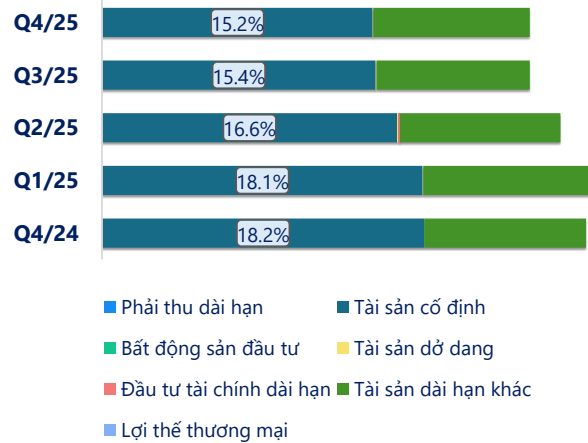
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

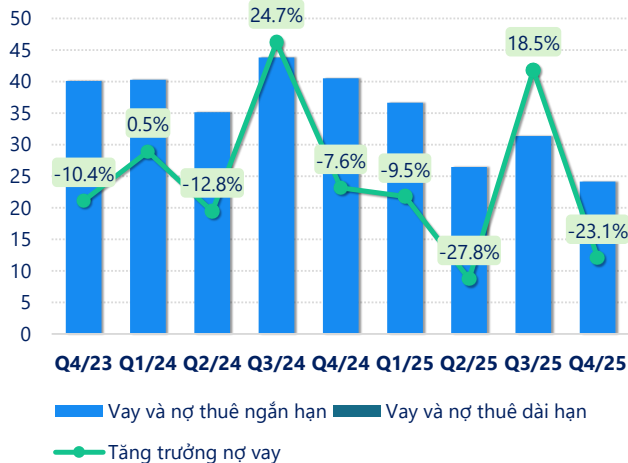
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

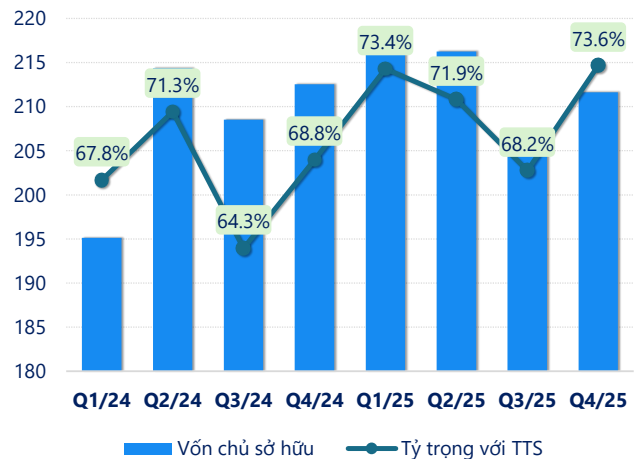
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

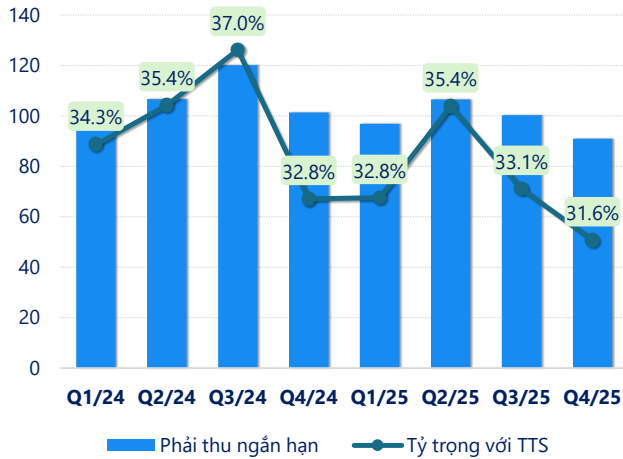
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



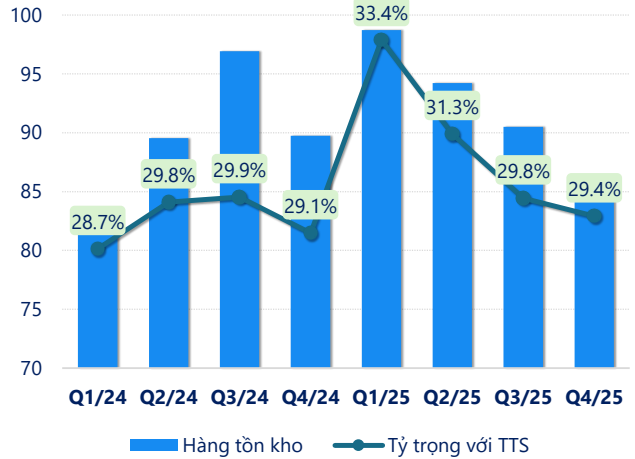
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


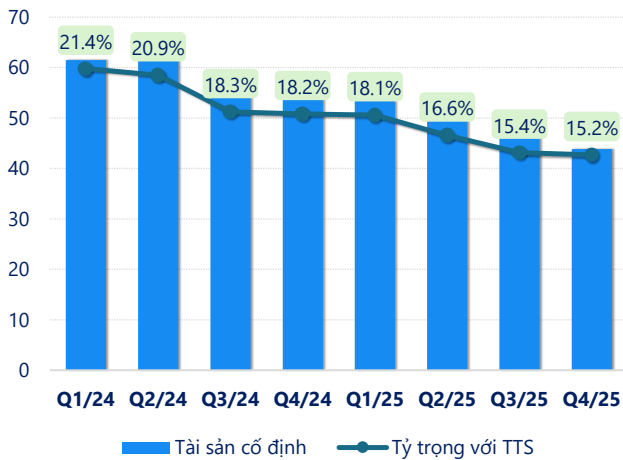
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


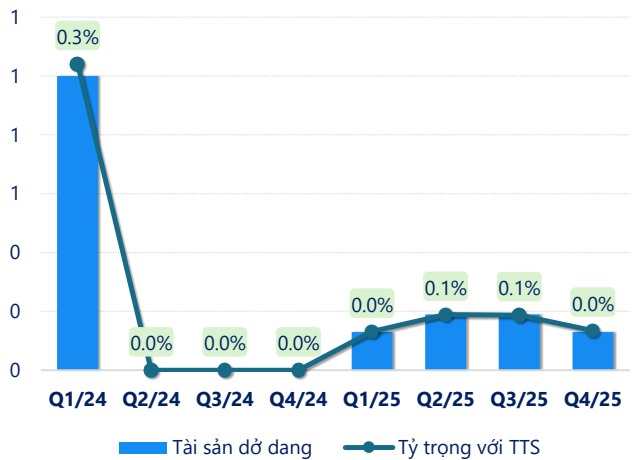
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

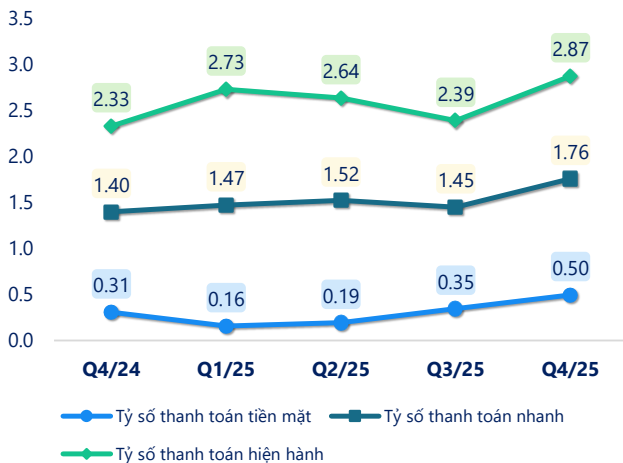
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

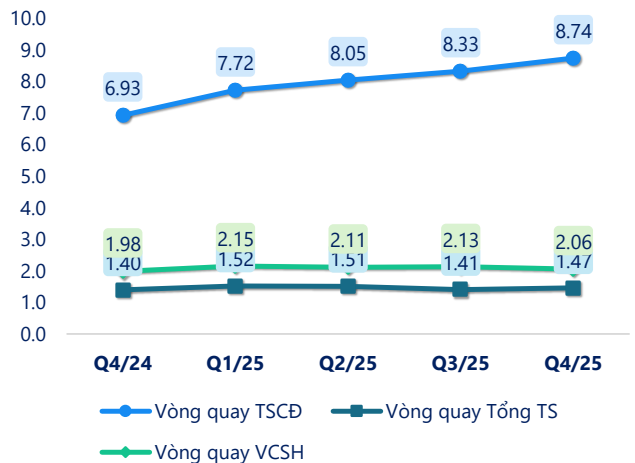
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	309	295	301	303	288
Tài sản ngắn hạn	225	214	223	230	218
Tiền và tương đương tiền	29.5	12.3	16.4	33.4	37.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.33	0.33	0.06	0	0
Phải thu ngắn hạn	101	96.9	107	100	90.9
Hàng tồn kho	89.8	98.7	94.2	90.5	84.7
Tài sản ngắn hạn khác	3.61	5.83	5.90	5.83	4.93
Tài sản dài hạn	84.4	81.1	77.8	73.2	69.4
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Tài sản cố định	56.1	53.4	50.0	46.7	43.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.13	0.19	0.19	0.13
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0.27	0	0
Tài sản dài hạn khác	28.2	27.6	27.3	26.2	25.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	96.3	78.5	84.7	96.3	75.9
Nợ ngắn hạn	96.3	78.5	84.7	96.3	75.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.5	36.6	26.5	31.4	24.1
Phải trả người bán ngắn hạn	36.4	30.9	35.1	39.0	29.2
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	213	217	216	207	212
Vốn chủ sở hữu	213	217	216	207	212
Vốn điều lệ	124	124	124	124	124
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)